

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI	7 - 26



BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang Đồng Việt Nam ("VND") đối với báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia ("Công ty") được trình bày kèm theo. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thoả thuận trước với Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo cáo tài chính đã được chuyển đổi sang VND do Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi có phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang VND có phù hợp với tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- Kiểm tra kết quả quy đổi ra VND có chính xác về mặt tính toán số học (số dư bằng USD x tỷ giá).
- Thu thập sổ kế toán doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2014. Thu thập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ghi nhận bằng Việt Nam Đồng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Kiểm tra đối chiếu số tổng trên sổ so sánh với số liệu ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ghi nhận bằng Việt Nam Đồng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- Thủ tục b: Tỷ giá sử dụng quy đổi từ USD sang VND phù hợp với tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra VND đúng theo công thức, không phát hiện chênh lệch.
- Thủ tục d: Số liệu trên sổ chi tiết doanh thu và sổ chi tiết thuế tiêu thụ đặc biệt khớp với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ghi nhận bằng Việt Nam Đồng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Vì các thủ tục nêu trên không lập thành một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến đảm bảo cho báo cáo tài chính quy đổi của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Nếu chúng tôi thực hiện các thủ tục bổ sung hoặc thực hiện một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính quy đổi theo chuẩn mực kiểm toán thì chúng tôi có thể phát hiện được các vấn đề khác để báo cáo cho Công ty.

Báo cáo của chúng tôi chỉ được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1576-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		72.539.771.634	89.192.004.006
I. Tiền	110	4	5.178.096.366	4.357.108.434
1. Tiền	111		5.178.096.366	4.357.108.434
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.210.505.018	63.053.262.666
1. Phải thu khách hàng	131	5	33.223.814.928	55.453.950.894
2. Trả trước cho người bán	132		8.582.109.240	9.086.935.446
3. Các khoản phải thu khác	135		200.753.454	236.765.424
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(796.172.604)	(1.724.389.098)
III. Hàng tồn kho	140	6	24.194.923.554	20.475.046.398
1. Hàng tồn kho	141		25.557.790.716	21.837.913.560
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.362.867.162)	(1.362.867.162)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.956.246.696	1.306.586.508
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.154.507.640	1.092.405.582
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		801.739.056	214.180.926
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		1.218.643.428.858	1.284.586.721.166
I. Tài sản cố định	220		1.089.803.605.626	1.126.190.078.868
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.014.788.165.088	373.923.268.692
- Nguyên giá	222		1.219.208.912.394	555.648.358.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.420.747.306)	(181.725.090.234)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	36.628.507.674	39.132.115.068
- Nguyên giá	228		100.355.098.572	100.444.650.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.726.590.898)	(61.312.535.394)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	38.386.932.864	713.134.695.108
II. Bất động sản đầu tư	240	10	39.212.233.734	39.892.870.590
- Nguyên giá	241		47.694.677.988	47.694.677.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8.482.444.254)	(7.801.807.398)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.910.806.106	8.910.806.106
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	8.910.806.106	8.910.806.106
IV. Tài sản dài hạn khác	260		80.716.783.392	109.592.965.602
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	79.466.158.848	108.071.412.066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.250.624.544	1.521.553.536
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.291.183.200.492	1.373.778.725.172


Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		314.453.483.862	318.217.510.206
I. Nợ ngắn hạn	310		217.304.300.460	210.681.731.046
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	99.988.860.024	103.645.169.148
2. Phải trả người bán	312		36.591.688.356	38.856.554.448
3. Người mua trả tiền trước	313		146.448.678	240.377.244
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	42.255.383.298	34.423.342.842
5. Phải trả người lao động	315		8.422.211.844	6.691.746.390
6. Chi phí phải trả	316		582.289.122	742.930.128
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	29.317.419.138	26.081.610.846
II. Nợ dài hạn	330		97.149.183.402	107.535.779.160
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.916.346.708	1.863.189.216
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	90.088.691.436	100.408.001.112
3. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		4.206.346.818	4.361.846.292
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		937.798.440	902.742.540
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		976.729.716.630	1.055.561.214.966
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	976.729.716.630	1.055.561.214.966
1. Vốn điều lệ	411		898.915.498.020	898.915.498.020
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		106.807.232.574	106.807.232.574
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.795.580.196	13.795.580.196
4. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(42.788.594.160)	36.042.904.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		1.291.183.200.492	1.373.778.725.172



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

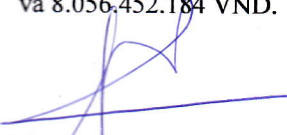
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014


MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		111.098.478.408	92.072.982.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.578.681.906	8.959.055.772
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		345.523.698	767.469.258
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	08		7.233.158.208	8.191.586.514
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	103.519.796.502	83.113.927.080
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	89.208.682.116	55.908.764.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	19	14.311.114.386	27.205.163.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.893.074.548	3.964.801.044
7. Chi phí tài chính	22	22	13.138.483.908	5.757.113.604
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.861.138.624	5.608.306.620
8. Chi phí bán hàng	24		12.159.128.292	8.209.730.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	68.931.329.748	18.190.060.344
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(76.024.753.014)	(986.940.438)
11. Thu nhập khác	31	24	4.051.994.628	1.497.906.738
12. Chi phí khác	32	25	6.555.941.958	2.872.990.350
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(2.503.947.330)	(1.375.083.612)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(78.528.700.344)	(2.362.024.050)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	270.928.992	442.617.918
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(78.799.629.336)	(2.804.641.968)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(1.120)	(40)

Báo cáo này được quy đổi từ báo cáo bằng Đô la Mỹ theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 30 tháng 6 năm 2013 tương ứng là 21.246 VND/USD. Doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh thực tế bằng Đồng Việt Nam đã được ghi nhận trên sổ kế toán lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 110.083.064.245 VND và 7.166.086.077 VND; lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 90.426.446.531 VND và 8.056.452.184 VND.


Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2014


Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc



Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(78.528.700.344)	(2.362.024.050)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.860.729.640	14.391.679.218
Các khoản dự phòng	03	(928.216.494)	(1.727.363.538)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.810.505.864)	(2.452.914.438)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	732.710.802	449.161.686
Chi phí lãi vay	06	12.861.138.624	5.608.306.620
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(40.812.843.636)	13.906.845.498
Thay đổi các khoản phải thu	09	22.643.880.570	24.174.378.672
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.719.877.156)	1.063.277.316
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	40.132.801.668	15.117.676.284
Thay đổi chi phí trả trước	12	27.945.904.854	(1.932.642.390)
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.045.695.898)	(8.118.755.226)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.090.655.620)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(50.501.742)	(218.791.308)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	34.093.668.660	40.901.333.226
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24.082.638.444)	(58.208.176.104)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	2.896.679.640	496.115.346
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(21.185.958.804)	(57.712.060.758)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	79.004.355.792	104.313.398.340
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(91.168.455.648)	(82.922.118.192)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(12.164.099.856)	21.391.280.148
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	743.610.000	4.580.552.616
Tiền đầu kỳ	60	4.357.108.434	4.135.810.098
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	77.377.932	2.452.914.438
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.178.096.366	11.169.277.152

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 28.043.933.898 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2013: 29.061.086.148 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 7.009.501.566 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2013: 28.685.371.884 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng

Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28 tháng 01 năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01 tháng 7 năm 2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30 tháng 10 năm 2008, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22 tháng 9 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

Ngày 18 tháng 1 năm 2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 4 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Dương Khánh Nam, người Đài Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

Ngày 22 tháng 11 năm 2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần.

Ngày 13 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Ngày 30 tháng 10 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần.

Ngày 25 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 8 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Đỗ Trí Vỹ, người Đài Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.393 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.316 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tị theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính quy đổi

Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 355/TC-CĐKT ngày 13 tháng 11 năm 2000. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính quy đổi (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 21.246 VND/USD theo hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD.
Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Số năm)	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	29 - 35	35
Máy móc, thiết bị	10	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10	5 - 10
Phương tiện vận tải	8	8
Tài sản cố định khác	5	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động phát sinh trước khi Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long đi vào hoạt động kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh và các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo Thông tư 45. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD.

Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.